

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH**

**Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023
hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định
số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm**

(Tiếp theo Công báo số 1265 + 1266)

Phụ lục VI

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Nghị quyết vụ bảo hiểm	Dự phòng phí chưa được hưởng				Dự phòng bồi thường				Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất (đối với bảo hiểm phi nhân thọ) hoặc Dự phòng đảm bảo cân đối (đối với bảo hiểm sức khỏe)						Tổng cộng dự phòng nghiệp vụ			
		Đầu kỳ	Tăng (giảm) trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng (giảm) trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Trích trong kỳ	Cuối kỳ	Trích trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Trích trong kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Trích trong kỳ	Cuối kỳ	Chi trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)				
5	Bảo hiểm cháy, nổ (=5a+5b):																		
	5a. Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc																		
	5b. Bảo hiểm cháy, nổ khác																		
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu																		
7	Bảo hiểm trách nhiệm (=7a+7b+7c+7d):																		
	7a. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng																		
	7b. Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường																		
	7c. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba																		
	7d. Bảo hiểm trách nhiệm khác																		
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính																		
9	Bảo hiểm nông nghiệp																		
10	Bảo hiểm bảo lãnh																		
11	Bảo hiểm thiệt hại khác																		
	Tổng cộng [(A)+(B)]																		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với dự phòng toán học của các Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe phát sinh trách nhiệm trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục trích lập theo phương pháp dự phòng toán học đã đăng ký và được tính vào cột số (3), (4), (5).

Mẫu số 6A-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Hoạt động đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu

Tên doanh nghiệp bảo hiểm/Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....

Báo cáo quý (năm):..... từ ngày 01/..... đến ngày...../...../.....

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ (1)	Tăng trong kỳ (2)	Giảm trong kỳ (3)	Số cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)
1. Nguồn vốn chủ sở hữu				
2. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu				
3. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định/vốn điều lệ tối thiểu				
4. Phần vốn chủ sở hữu dùng để xây dựng và thiết lập cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh và trang trải chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chi nhánh				
5. Phần vốn chủ sở hữu dùng để đầu tư: [(1)-(4)]				

II. ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (1)	Tăng trong kỳ (2)	Giảm trong kỳ (3)	Số cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)	Kết quả đầu tư (5)
A. Đầu tư tại Việt Nam					
I. Nhóm 1					
1. Trái phiếu Chính phủ					
2. Tín phiếu kho bạc					
3. Trái phiếu kho bạc					
4. Công trái xây dựng tổ quốc					
5. Trái phiếu chính quyền địa phương					

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (1)	Tăng trong kỳ (2)	Giảm trong kỳ (3)	Số cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)	Kết quả đầu tư (5)
6. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh					
7. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng					
(I) Cộng					
II. Nhóm 2					
1. Cổ phiếu (=1a+1b)					
1a. Cổ phiếu được niêm yết					
1b. Cổ phiếu không được niêm yết					
2. Trái phiếu doanh nghiệp (=2a+2b)					
2a. Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo					
2b. Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo					
3. Chứng chỉ quỹ					
4. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác					
(II) Cộng					
III. Nhóm 3					
Kinh doanh bất động sản					
(III) Cộng					
Tổng cộng A = (I) + (II) + (III)					
B. Đầu tư ra nước ngoài					
1. Thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài					
2. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và hình thức hiện diện thương mại khác của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài					
Tổng cộng B = (1) + (2)					
Tổng cộng: A + B					

III. ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU BẢNG VỐN PHÁP ĐỊNH/VỐN ĐIỀU LỆ TỐI THIỂU HOẶC BIẾN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU TÙY THEO SỐ NÀO LỚN HƠN

(Theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ)

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (Triệu đồng) (1)	Tăng trong kỳ (Triệu đồng) (2)	Giảm trong kỳ (Triệu đồng) (3)	Số cuối kỳ (Triệu đồng) (4)=(1)+(2)-(3)	Tỷ lệ (%) (5)	Kết quả đầu tư (Triệu đồng) (6)
A. Đầu tư tại Việt Nam						
I. Nhóm 1						
1. Trái phiếu Chính phủ						
2. Tín phiếu kho bạc						
3. Trái phiếu kho bạc						
4. Công trái xây dựng tổ quốc						
5. Trái phiếu chính quyền địa phương						
6. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh						
7. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng						
(I) Cộng						
II. Nhóm 2						
1. Cổ phiếu (=1a+1b)						
1a. Cổ phiếu được niêm yết						
1b. Cổ phiếu không được niêm yết						
2. Trái phiếu doanh nghiệp (=2a+2b)						
2a. Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo						
2b. Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo						
3. Chứng chỉ quỹ						
4. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác						
(II) Cộng						
III. Nhóm 3						
Kinh doanh bất động sản						

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (Triệu đồng) (1)	Tăng trong kỳ (Triệu đồng) (2)	Giảm trong kỳ (Triệu đồng) (3)	Số cuối kỳ (Triệu đồng) (4)=(1)+(2)-(3)	Tỷ lệ ^(*) (%) (5)	Kết quả đầu tư (Triệu đồng) (6)
(III) Cộng						
Tổng cộng A = (I) + (II) + (III)						
B. Đầu tư ra nước ngoài						
1. Thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài						
2. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và hình thức hiện diện thương mại khác của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài						
Tổng cộng B = (I) + (2)						
Tổng cộng: A + B						

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

^(*): Tỷ lệ so với tổng số tiền đầu tư từ nguồn vốn chủ sở hữu bằng vốn pháp định/vốn điều lệ tối thiểu hoặc biên khả năng thanh toán tối thiểu tùy theo số nào lớn hơn.

Mẫu số 6B-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Hoạt động đầu tư từ nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ

Tên doanh nghiệp bảo hiểm/Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:
Báo cáo quý (năm):..... từ ngày 01/...../..... đến ngày...../...../.....

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ (1)	Tăng trong kỳ (2)	Giảm trong kỳ (3)	Số cuối kỳ (4)=(1)+(2)-(3)
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ (=1a+1b+1c)				
1a. Dự phòng phí chưa được hưởng				
1b. Dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết				
1c. Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất và dự phòng đảm bảo cân đối				
2. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để bồi thường bảo hiểm/trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ				
3. Vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ [= (1) - (2)]				

II. ĐẦU TƯ VỐN NHÂN RỒI TỪ DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (Triệu đồng) (1)	Tăng trong kỳ (Triệu đồng) (2)	Giảm trong kỳ (Triệu đồng) (3)	Số cuối kỳ (Triệu đồng) (4)=(1)+(2)-(3)	Tỷ lệ (%) (5)	Kết quả đầu tư (Triệu đồng) (6)
I. Nhóm 1						
1. Trái phiếu Chính phủ						
2. Tín phiếu kho bạc						
3. Trái phiếu kho bạc						
4. Công trái xây dựng tổ quốc						

Danh mục đầu tư	Số đầu kỳ (Triệu đồng) (1)	Tăng trong kỳ (Triệu đồng) (2)	Giảm trong kỳ (Triệu đồng) (3)	Số cuối kỳ (Triệu đồng) (4)=(1)+(2)-(3)	Tỷ lệ ^(*) (%) (5)	Kết quả đầu tư (Triệu đồng) (6)
5. Trái phiếu chính quyền địa phương						
6. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh						
7. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng						
(I) Cộng						
II. Nhóm 2						
1. Cổ phiếu (=1a+1b)						
1a. Cổ phiếu được niêm yết						
1b. Cổ phiếu không được niêm yết						
2. Trái phiếu doanh nghiệp (=2a+2b)						
2a. Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo						
2b. Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo						
3. Chứng chỉ quỹ						
4. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác						
(II) Cộng						
III. Nhóm 3						
Kinh doanh bất động sản						
(III) Cộng						
Tổng cộng: [(I) + (II) + (III)]						

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

^(*): Tỷ lệ so với tổng số tiền đầu tư từ nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ.

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán: a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên; e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực. i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật. k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100% 100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán - 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÁO CÁO Asean

Mẫu số 8-PNT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tên doanh nghiệp bảo hiểm/Chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:

Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Tiêu chí	Bảo hiểm hàng hải, hàng không, hàng hóa vận chuyển	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm xe cơ giới	Các ngành vụ khác	Tổng số
A. Phí bảo hiểm					
1. Phí bảo hiểm gốc					
2. Phí nhận tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
3. Tổng phí bảo hiểm (1+ 2d)					
4. Phí nhượng tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Đến ASEAN					
c. Đến các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
5. Phí bảo hiểm giữ lại (3-4d)					
6. Dự phòng phí					
a. Năm trước					
b. Năm nay					
7. Thu nhập phí bảo hiểm (5+6a-6b)					
B. Bồi thường (gồm cả chi giám định)					
1. Bồi thường gốc					
2. Bồi thường nhận tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
3. Tổng bồi thường bảo hiểm (1+2d)					
4. Thu bồi thường từ nhượng tái bảo hiểm					
a. Trong nước					
b. Từ ASEAN					
c. Từ các nước khác					
d. Tổng a+b+c					
5. Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (3-4d)					
6. Bồi thường chưa trả					
a. Năm trước					
b. Năm nay					

Tiêu chí	Bảo hiểm hàng hải, hàng không, hàng hóa vận chuyển	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm xe cơ giới	Các nghịệp vụ khác	Tổng số
7. Dự phòng bồi thường					
a. Năm trước					
b. Năm nay					
8. Bồi thường phát sinh (5-6a+6b-7a+7b)					
9. Chi giám định					

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 9-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

STT	Loại hình nghiệp vụ	Tổ chức cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới	Số lượng hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua tổ chức môi giới	Phí bảo hiểm (triệu đồng)
	Bảo hiểm phi nhân thọ			
1	Bảo hiểm tài sản	Tên tổ chức 1	không phát sinh	
		Tên tổ chức 2	không phát sinh	
		...		
	Cộng:	Số lượng tổ chức	Tổng số hợp đồng	Tổng
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	Báo cáo tương tự nghiệp vụ “bảo hiểm tài sản”		
3	Bảo hiểm hàng không			
4	Bảo hiểm xe cơ giới			
5	Bảo hiểm cháy, nổ			
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu			
7	Bảo hiểm trách nhiệm			
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính			
9	Bảo hiểm nông nghiệp			
10	Bảo hiểm bảo lãnh			
11	Bảo hiểm thiệt hại khác			
	Tổng cộng (1)+(2)+...(11)	Số lượng tổ chức	Tổng số hợp đồng	Tổng

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

STT	Chỉ tiêu	Bảo hiểm sức khỏe		Bảo hiểm phi nhân thọ										Tổng cộng			
		Bảo hiểm sức khỏe, thân thể	Bảo hiểm chi phí y tế	Bảo hiểm tài sản	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	Bảo hiểm hàng không	Bảo hiểm xe cơ giới	Bảo hiểm cháy, nổ	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	Bảo hiểm trách nhiệm	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính	Bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm bảo lãnh	Bảo hiểm thiệt hại khác			
3	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm																
4	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm																
5	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)-(2)+(3)-(4)																
6	Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối																
7	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm																
	- Chi hoa hồng bảo hiểm, thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác																
	- Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm																
	- Chi quản lý đại lý bảo hiểm																
	- Chi đề phòng, hạn chế tổn thất																
	- Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định																
	- Chi khác																
8	Chi quản lý doanh nghiệp																
III	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III)=(I)-(II)																

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
....., ngày tháng năm

Mẫu số 10B-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Theo dõi riêng doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm bắt buộc

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài:
- Báo cáo quý (năm): từ đến

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:
- Tiêu thức phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

- Loại chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:
- Tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:

II. Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm bắt buộc

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe cơ giới		Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Bảo hiểm bắt buộc hoạt động đầu tư xây dựng				Tổng cộng
		Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	Ô tô		Bảo hiểm bắt buộc công trình xây dựng thời gian xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba	
I	I. Doanh thu phí bảo hiểm (I)=(3)+(4)+(5)								
1	Doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái								

STT	Chỉ tiêu	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe cơ giới		Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Bảo hiểm bắt buộc hoạt động đầu tư xây dựng				Tổng cộng
		Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	Ô tô		Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba	
	- Phí bảo hiểm gốc								
	- Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc)								
	- Phí nhận tái bảo hiểm								
	- Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)								
	- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm								
2	Phí nhượng tái bảo hiểm								
	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm								
	- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm								
3	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2)								
4	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm								
	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm								
	- Giám trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giám hoa hồng)								
5	Thu khác hoạt động bảo hiểm								

STT	Chỉ tiêu	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe cơ giới		Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Bảo hiểm bắt buộc hoạt động đầu tư xây dựng				Tổng cộng
		Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	Ô tô		Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba	
II	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (II)=(5)+(6)+(7)+(8)								
1	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái								
	- Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái								
	- Các khoản thu giảm chi (Thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)								
2	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm								
3	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm								
4	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm								
5	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)-(2)+(3)-(4)								
6	Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn								
7	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm								
	- Chi hoa hồng bảo hiểm, thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác								
	- Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm								
	- Chi quản lý đại lý bảo hiểm								

STT	Chỉ tiêu	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe cơ giới		Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc	Bảo hiểm bắt buộc hoạt động đầu tư xây dựng				Tổng cộng
		Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự	Ô tô		Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng	Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của nhà thầu thi công xây dựng đối với người thứ ba	
	- Chi đề phòng, hạn chế tổn thất								
	- Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định								
	- Chi khác								
8	Chi quản lý doanh nghiệp								
III	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III)=(I)-(II)								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TT	Dòng xe/Thời gian sử dụng xe	Số lượng xe (xe)	Số tiền bảo hiểm (triệu đồng)	Tổng doanh thu phí BH (triệu đồng)	Tổng số vụ bồi thường (vụ)	Số tiền bồi thường bảo hiểm (triệu đồng)	Dự phòng nghiệp vụ (triệu đồng)			
							Tổng số	Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường bảo hiểm	Dự phòng dao động lớn
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)	(8)	(9)	(10)
C	Xe ô tô vừa chở người vừa chở hàng									
I	Xe pickup									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
II	Xe vừa chở người vừa chở hàng còn lại									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
D	Mô tô, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
E	Xe máy chuyên dùng									
1	Dưới 3 năm									
2	Từ 3 năm đến dưới 6 năm									
3	Từ 6 năm đến dưới 10 năm									
4	Trên 10 năm									
	Tổng cộng (A + B + C + D + E)									

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ đầu năm.
- Các số liệu báo cáo theo trách nhiệm bảo hiểm gốc.

Mẫu số 12-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....

- Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm

- Ghi nhận tài sản:.....

- Ghi nhận nguồn vốn:.....

- Ghi nhận doanh thu:.....

- Ghi nhận chi phí:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm:

- Loại chi phí phải phân bổ:

- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

3. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm:

- Loại chi phí phải phân bổ:

- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Tổng số	Nguồn phí bảo hiểm	Tổng số	Nguồn phí bảo hiểm	Tổng số	Nguồn vốn chủ sở hữu
Phải thu/Phải trả giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm: - Bù đắp thâm hụt; - ... (Chi tiết theo từng giao dịch)						

Ghi chú: Báo cáo chi tiết nội dung, lý do giao dịch bù đắp giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm

II. Tài sản, nợ phải trả và kết quả hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguồn phí bảo hiểm		Nguồn vốn chủ sở hữu		Tổng số	
	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
I- TÀI SẢN, NỢ PHẢI TRẢ						

[illegible]

Chi tiêu	Nguồn phí bảo hiểm				Nguồn vốn chủ sở hữu				Tổng số			
	Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	
	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài	Trong nước	Nước ngoài
1. Chi bồi thường bảo hiểm (1) = ((a) + (b) + (c) +(d)												
a. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái												
b. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm												
c. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm												
d. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm												
2. Chi phí khai thác												
3. Chi phí trích lập dự phòng												
4. Chi phí trực tiếp khác												
II. Chi phí quản lý												
III. Chi phí hoạt động đầu tư												
IV. Chi phí khác												
E-KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (E)= (D)-(Đ)												
- Phân chia kết quả hoạt động giữa nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm trong năm												
- Số bù đắp của nguồn vốn chủ sở hữu cho nguồn phí bảo hiểm trong năm												

Chúng tôi xin bảo đảm những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm....

Mẫu số 13-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Các sản phẩm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/Chi nhánh doanh nghiệp phi nhân thọ nước ngoài:.....
- Tháng báo cáo:.....

STT	Tên sản phẩm bảo hiểm	Tên nghiệp vụ bảo hiểm	Nội dung
I	Tên sản phẩm triển khai trong tháng		Tóm tắt nội dung chính của sản phẩm bảo hiểm
1			
2			
3			
....			
II	Tên sản phẩm bảo hiểm không còn triển khai trong tháng		Lý do không triển khai
1			
2			
3			
...			
Tổng số sản phẩm bảo hiểm đang triển khai tính đến thời điểm hiện tại:.... sản phẩm			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp không có sản phẩm bảo hiểm mới triển khai trong tháng, đề nghị doanh nghiệp bảo hiểm/ chi nhánh doanh nghiệp phi nhân thọ nước ngoài báo cáo: Không có

Mẫu số 14-PNT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Của chuyên gia tính toán

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam:
-
- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Báo cáo việc tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm trong kỳ báo cáo

Sản phẩm bảo hiểm	Tình trạng	
	Sửa đổi, bổ sung quy tắc, điều khoản, biểu phí đã ban hành	Xây dựng quy tắc, điều khoản, biểu phí mới
1. Nghiệp vụ bảo hiểm tài sản - Sản phẩm A - Sản phẩm B....		
2. Nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm - Sản phẩm A - Sản phẩm ...		
3. Nghiệp vụ.....		

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về việc quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

2. Đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm:

Tên sản phẩm	Giả định tính phí (chi tiết)	Thực tế triển khai (chi tiết)	Chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai từng sản phẩm (chi tiết)	Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán	Phương án xử lý (*)
- Sản phẩm A....					
- Sản phẩm B....					

(*) Đối với trường hợp phí bảo hiểm không bảo đảm khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và không tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm.

II. BÁO CÁO VIỆC TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và kết quả trích lập, đảm bảo phản ánh chính xác, đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

III. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH TÁI BẢO HIỂM

Báo cáo chi tiết đánh giá chương trình tái bảo hiểm phù hợp với năng lực tài chính, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

IV. BÁO CÁO VIỆC THAM GIA THỰC HIỆN TÁCH NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ NGUỒN PHÍ BẢO HIỂM PHÙ HỢP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Báo cáo việc tham gia thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm theo quy định pháp luật.

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHI BỒI THƯỜNG, CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Báo cáo, đánh giá chi tiết tình hình chi bồi thường, chi trả quyền lợi bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm và kiến nghị, đề xuất.

VI. BÁO CÁO VIỆC TÍNH TOÁN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

1. Báo cáo về việc trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định pháp luật.

2. Báo cáo về việc tính biên khả năng thanh toán

- Biên khả năng thanh toán đầu kỳ (C):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu đầu kỳ (D):

- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Biên khả năng thanh toán cuối kỳ (E):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu cuối kỳ (F):

- So sánh E và F (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

VII. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, E, G, H, I KHOẢN 1 VÀ ĐIỂM C KHOẢN 3 ĐIỀU 20 THÔNG TƯ NÀY

Báo cáo chi tiết việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại các điểm d, e, g, h, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 20 Thông tư này.

Tôi xin chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

- Mẫu số 1-TBH: Báo cáo doanh thu tái bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 2-TBH: Báo cáo bồi thường/trả tiền tái bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 3-TBH: Báo cáo khả năng thanh toán quý, năm

BÁO CÁO
Doanh thu tái bảo hiểm

Mẫu số 1-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:
- Báo cáo quý (năm) từ ngày..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Phí nhận tái bảo hiểm (sau khi đã trừ hoàn phí, giảm phí)			Phí nhượng tái bảo hiểm (sau khi đã trừ hoàn phí, giảm phí)			Phí bảo hiểm giữ lại
		Tổng (3) = (4)+(5)	Trong nước (4)	Ngoài nước (5)	Tổng (6) =(7)+(8)	Trong nước (7)	Ngoài nước (8)	
(1)	(2)	(3) = (4)+(5)	(4)	(5)	(6) =(7)+(8)	(7)	(8)	(9) = (3)-(6)
A	Bảo hiểm sức khỏe							
1	Bảo hiểm sức khỏe, thân thể							
2	Bảo hiểm chi phí y tế							
B	Bảo hiểm phi nhân thọ							
1	Bảo hiểm tài sản							
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển							
3	Bảo hiểm hàng không							
4	Bảo hiểm xe cơ giới							
5	Bảo hiểm cháy, nổ							
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu							
7	Bảo hiểm trách nhiệm							
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính							
9	Bảo hiểm nông nghiệp							
10	Bảo hiểm bảo lãnh							

STT	Nghị quyết vụ bảo hiểm	Phí nhận tái bảo hiểm (sau khi đã trừ hoàn phí, giảm phí)			Phí nhượng tái bảo hiểm (sau khi đã trừ hoàn phí, giảm phí)			Phí bảo hiểm giữ lại
		Tổng	Trong nước	Ngoài nước	Tổng	Trong nước	Ngoài nước	
(1)	(2)	(3) = (4)+(5)	(4)	(5)	(6) =(7)+(8)	(7)	(8)	(9) = (3)-(6)
11	Bảo hiểm thiệt hại khác							
C	Bảo hiểm nhân thọ							
1	Bảo hiểm trọn đời							
2	Bảo hiểm sinh kỳ							
3	Bảo hiểm tử kỳ							
4	Bảo hiểm hỗn hợp							
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ							
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư							
7	Bảo hiểm hưu trí							
	Tổng cộng							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ đầu năm .

Mẫu số 2-TBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Bồi thường/trả tiền tái bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:.....
- Báo cáo quý (năm) từ ngày..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nghệp vụ bảo hiểm	Chi bồi thường/trả tiền nhận tái bảo hiểm		Thu bồi thường/trả tiền nhượn tái bảo hiểm		Bồi thường/trả tiền thuộc trách nhiệm giữ lại	Chi bồi thường/trả tiền từ dao động lớn
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(4)-(5) -(6)	(8)
A	Bảo hiểm sức khỏe						
1	Bảo hiểm sức khỏe, thân thể						
2	Bảo hiểm chi phí y tế						
B	Bảo hiểm phi nhân thọ						
1	Bảo hiểm tài sản						
2	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển						
3	Bảo hiểm hàng không						
4	Bảo hiểm xe cơ giới						
5	Bảo hiểm cháy, nổ						
6	Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu						
7	Bảo hiểm trách nhiệm						
8	Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính						
9	Bảo hiểm nông nghiệp						
10	Bảo hiểm bảo lãnh						
11	Bảo hiểm thiệt hại khác						

STT	Nghịệp vụ bảo hiểm	Chi bồi thường/trả tiền nhận tái bảo hiểm		Thu bồi thường/trả tiền nhượng tái bảo hiểm		Bồi thường/trả tiền thuộc trách nhiệm giữ lại	Chi bồi thường/trả tiền từ dao động lớn
		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (3)+(4)-(5) -(6)	(8)
C	Bảo hiểm nhân thọ						
1	Bảo hiểm trọn đời						
2	Bảo hiểm sinh kỳ						
3	Bảo hiểm tử kỳ						
4	Bảo hiểm hỗn hợp						
5	Bảo hiểm trả tiền định kỳ						
6	Bảo hiểm liên kết đầu tư						
7	Bảo hiểm hưu trí						
	Tổng cộng						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thật

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ đầu năm.

Mẫu số 3-TBH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Khả năng thanh toán

- Tên doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài:

- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm);		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật			
a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này):			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản để cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 1 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	
+ Phải thu tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%.		50%	

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.		25%	
d) Tài sản khác		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất		100%	
d) Chi phí trả trước; các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng; các khoản phải thu nội bộ		100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm quá hạn từ 02 năm trở lên ;		100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên.		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100%	
h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực.		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật.		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp tái bảo hiểm			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
- 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
- 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục VIII

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính)*

- Mẫu số 1-NT: Báo cáo kết quả hoạt động tháng
- Mẫu số 2-NT: Báo cáo số lượng hợp đồng và số tiền bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 3-NT: Báo cáo tình hình hủy bỏ, chấm dứt, đáo hạn hợp đồng bảo hiểm và chi trả quyền lợi bảo hiểm quý, năm
- Mẫu số 4A-NT: Báo cáo trích lập dự phòng toán học quý, năm
- Mẫu số 4B-NT: Báo cáo trích lập dự phòng phí chưa được hưởng quý, năm
- Mẫu số 4C-NT: Báo cáo trích lập dự phòng bồi thường quý, năm
- Mẫu số 4D-NT: Báo cáo trích lập dự phòng chia lãi quý, năm
- Mẫu số 4E-NT: Báo cáo trích lập dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết quý, năm
- Mẫu số 4G-NT: Báo cáo trích lập dự phòng bảo đảm cân đối quý, năm
- Mẫu số 5-NT: Báo cáo hoạt động đầu tư quý, năm
- Mẫu số 6-NT: Báo cáo khả năng thanh toán tháng, quý, năm
- Mẫu số 7-NT: Báo cáo ASEAN hàng năm
- Mẫu số 8-NT: Báo cáo tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm
- Mẫu số 9-NT: Báo cáo quy mô kênh phân phối quý, năm
- Mẫu số 10-NT: Báo cáo doanh thu theo kênh phân phối quý, năm
- Mẫu số 11-NT: Báo cáo chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm dịch vụ khách hàng quý, năm
- Mẫu số 12-NT: Báo cáo danh mục sản phẩm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ
- Mẫu số 13-NT: Báo cáo của chuyên gia tính toán
- Mẫu số 14-NT: Báo cáo hoạt động của quỹ liên kết chung
- Mẫu số 15-NT: Báo cáo hoạt động của quỹ liên kết đơn vị
- Mẫu số 16-NT: Báo cáo hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện
- Mẫu số 17-NT: Báo cáo kết quả triển khai sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị tháng
- Mẫu số 18-NT: Báo cáo trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị quý, năm
- Mẫu số 19-NT: Báo cáo thưởng, hỗ trợ đại lý bảo hiểm và các quyền lợi khác hàng năm

- Mẫu số 20-NT: Báo cáo số lượng hợp đồng khai thác, hủy bỏ trên môi trường mạng quý, năm
- Mẫu số 21-NT: Báo cáo tỷ lệ hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng theo kênh phân phối quý, năm
- Mẫu số 22-NT: Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung
- Mẫu số 23-NT: Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị
- Mẫu số 24-NT: Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí
- Mẫu số 25-NT: Thông báo tình trạng hợp đồng bảo hiểm liên kết chung
- Mẫu số 26-NT: Thông báo tình trạng hợp đồng bảo hiểm liên kết đơn vị
- Mẫu số 27-NT: Thông báo tình trạng hợp đồng bảo hiểm hưu trí

STT	Hợp đồng bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới								Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng bồi, chấm dứt năm đầu tính tại cuối tháng	Trả tiền bảo hiểm (lũy kế từ đầu năm)
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm			Phí bảo hiểm		Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế				
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế					Cùng kỳ năm trước	Cuối tháng		
	2. Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm nhóm (chỉ tiết theo từng nghiệp vụ)																
	3. Hợp đồng Bảo hiểm vi mô (phân theo nhân thọ và sức khỏe)																
	4. Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm bán kèm																
	Tổng cộng																

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày tháng năm

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Phí bảo hiểm khai thác mới bao gồm: Phí bảo hiểm hợp đồng đóng phí một lần + phí bảo hiểm định kỳ năm hợp đồng đầu tiên + phí bảo hiểm đóng thêm trong năm hợp đồng đầu tiên.
2. Tổng phí bảo hiểm bao gồm: Phí bảo hiểm khai thác mới + phí bảo hiểm của năm tái tục (có bao gồm phí bảo hiểm định kỳ và phí bảo hiểm đóng thêm của các hợp đồng trong năm tái tục) + phí bảo hiểm các hợp đồng khôi phục hiệu lực trong năm
3. Số lượng hợp đồng hủy bỏ, chấm dứt năm đầu tính tại cuối tháng: Hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ, chấm dứt trong năm hợp đồng đầu tiên xảy ra trong tháng báo cáo, bao gồm cả các hợp đồng bảo hiểm bị mất hiệu lực do không đóng phí bảo hiểm đúng hạn trong thời gian đóng phí
4. Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ được phê chuẩn trước khi Nghị định số 46/2023/NĐ-CP có hiệu lực được trình bày tại mục “4. Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm bán kèm”
5. Số thành viên được bảo hiểm chỉ áp dụng với hợp đồng sản phẩm bảo hiểm nhóm

B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
12	Sản phẩm bảo hiểm bán kèm														
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>														
	TỔNG														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó, thời hạn hợp đồng bình quân được tính theo năm;
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chi áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ 01 tháng 01 tới thời điểm lập báo cáo.
5. Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ được phê chuẩn trước khi Nghị định số 46/2023/NĐ-CP có hiệu lực được trình bày tại mục “*Sản phẩm bảo hiểm bán kèm*”
6. Số thành viên được bảo hiểm chi áp dụng với hợp đồng sản phẩm bảo hiểm nhóm.

[illegible]

		Số lũy kế đến kỳ báo cáo						Cùng kỳ năm trước											
		Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +		
		Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác
	Nghiệp vụ Bảo hiểm hỗn hợp																		
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																		
	Nghiệp vụ Bảo hiểm trọn đời																		
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																		
	Nghiệp vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																		
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																		
	Nghiệp vụ Bảo hiểm liên kết chung																		
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																		
	Bảo hiểm liên kết đơn vị																		
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																		

Số lũy kế đến kỳ báo cáo										Cùng kỳ năm trước								
Năm hợp đồng thứ 1				Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +		
Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác		Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoản khác
2	Nghị vụ bảo hiểm sinh kỳ																	
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																	
3	Nghị vụ Bảo hiểm hỗn hợp																	
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																	
4	Nghị vụ Bảo hiểm trọn đời																	
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																	
5	Nghị vụ Bảo hiểm trả tiền định kỳ																	
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																	
6	Nghị vụ Bảo hiểm liên kết chung																	
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																	

[illegible]

Số lũy kế đến kỳ báo cáo										Cùng kỳ năm trước										
Năm hợp đồng thứ 1					Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			Năm hợp đồng thứ 1			Năm hợp đồng thứ 2			Năm hợp đồng thứ 3 +			
Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đáo hạn/E. Khoản khác
10	Sản phẩm bảo hiểm nhóm																			
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																			
11	Sản phẩm bảo hiểm vi mô																			
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																			
12	Sản phẩm bảo hiểm bán kèm																			
	- <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm</i>																			
	TỔNG MỤC E																			
	TỔNG																			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- 1. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế từ 01 tháng 01 tới thời điểm lập báo cáo.
- 2. Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)
- 3. Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cân nhắc chi tính cho năm hợp đồng thứ nhất.
- 4. Các sản phẩm bảo hiểm bỏ trợ được phê chuẩn trước khi Nghị định số 46/2023/NĐ-CP có hiệu lực được trình bày tại mục “Sản phẩm bảo hiểm bán kèm”

Mẫu số 4A-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Trích lập dự phòng toán học

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.
- “Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.
- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 4B-NT(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm từ kỳ			
- Sản phẩm bảo hiểm cá nhân			
- Sản phẩm bảo hiểm nhóm			
2. ...			
Cộng:			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.
- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.
- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 4C-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Trích lập dự phòng bồi thường

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <i>Cộng</i>			

II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D....			

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
- Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm
- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 4Đ-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Trích lập dự phòng chia lãi

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:

- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

I/ Dự phòng cho phần lãi đã công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng cho phần lãi đã công bố đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng cho phần lãi đã công bố phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng cho phần lãi đã công bố trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:				

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

II/ Dự phòng cho phần lãi chưa công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng cho phần lãi chưa công bố đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải trích lập cuối kỳ	Phần dự phòng lãi chưa công bố được sử dụng trong kỳ	Trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống:				

Chỉ tiêu	Dự phòng cho phần lãi chưa công bố đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng cho phần lãi chưa công bố phải trích lập cuối kỳ	Phần dự phòng lãi chưa công bố được sử dụng trong kỳ	Trích lập dự phòng cho phần lãi chưa công bố trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
. Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.
- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 4E-NT(Ban hành kèm theo Thông tư số
67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO**
Trích lập dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng lãi suất cam kết trong kỳ
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... Cộng:			

Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 4G-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Trích lập dự phòng bảo đảm cân đối

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Cùng kỳ năm trước	Cùng kỳ năm nay
	(1)	(2)
Lợi nhuận trước thuế		
Dự phòng bảo đảm cân đối		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 5-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Hoạt động đầu tư

- Tên doanh nghiệp báo hiếm:.....
- Báo cáo quý (năm)..... từ đến

Đơn vị: Triệu đồng

A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Nguồn vốn chủ sở hữu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
I. Nguồn vốn chủ sở hữu						
1. Phần vốn chủ sở hữu bằng với vốn pháp định hoặc biên KNTT tối thiểu (tùy số nào lớn hơn)						
2. Phần vốn chủ sở hữu còn lại (sau khi trừ đi phần vốn chủ sở hữu tại mục I.1 nêu trên)						
- Đầu tư trong nước						
- Đầu tư ra nước ngoài						
II. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
1. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thương xuyên trong kỳ						
2. Nguồn vốn nhân rồi từ dự phòng nghiệp vụ						
III. Tổng số tiền đầu tư						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo

B. BÁO CÁO CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)							Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)						
	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
Danh mục đầu tư														
I. Đầu tư từ Nguồn vốn chủ sở hữu														

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)	Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)
Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ Lãi suất bình quân (coupon) Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ Giá trị tài sản cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ Lãi suất bình quân (coupon) Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ Giá trị tài sản cuối kỳ
1. Gửi tiền tại Các tổ chức tín dụng		
- Các khoản tiền gửi từ dưới 3 tháng		
- Các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm		
- Các khoản tiền gửi > 1 năm		
2. Trái phiếu chính phủ		
- Tín phiếu kho bạc		
- Trái phiếu kho bạc		
+ (chỉ tiết theo từng hạn ban đầu của trái phiếu)		
- Công trái xây dựng tổ quốc		
3. Trái phiếu chính quyền địa phương		
4. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh		
5. Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm		
6. Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm		
7. Cổ phiếu		
8. Chứng chỉ quỹ		
9. Góp vốn vào các doanh nghiệp khác		
10. Kinh doanh bất động sản		
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)		

	Kỳ báo cáo (Quý/Năm)							Cùng kỳ năm trước (Quý/Năm)						
Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
10. Kinh doanh bất động sản														
11. Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)														
12. Khác														
13. Ủy thác đầu tư														

Ghi chú: Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, đề nghị doanh nghiệp kê chi tiết danh mục đầu tư đối với giá trị tài sản ủy thác đầu tư theo thứ tự từ 1 - 12.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 6-NT(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO**
Khả năng thanh toán

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:

- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
- Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
- Các tài sản tương ứng với các hợp đồng bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí tự nguyện		0%	
- Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại.			
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm; loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho		25%	
d) Tài sản khác.		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất		100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ		100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 02 năm trở lên		100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 2 năm trở lên		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100%	
h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm		100%	
l) Phần tài sản có được từ khoản lợi nhuận tài chính phát sinh (nếu có) trong giao dịch bán kết hợp mua lại trái phiếu Chính phủ được thực hiện từ thời điểm 16/02/2019		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:	- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 7-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
ASEAN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:
- Báo cáo năm..... từ..... đến

I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tử kỳ ii. Bảo hiểm khác iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư b) Bảo hiểm nhóm TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			
3. Bảo hiểm vi mô (phân theo nhân thọ và sức khỏe)			
B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ a) Bảo hiểm cá nhân i. Bảo hiểm tử kỳ ii. Bảo hiểm khác iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư b) Bảo hiểm nhóm TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			
3. Bảo hiểm vi mô (phân theo nhân thọ và sức khỏe)			

II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia	
Cho vay thế chấp		Dự phòng nghiệp vụ	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng toán học	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng phí	
Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm		Dự phòng bồi thường	
Các khoản cho vay khác		Dự phòng khác	
Tiền		Thấu chi ngân hàng	

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Tiền gửi ngân hàng Tiền mặt và tài khoản thanh toán Các khoản đầu tư khác Thuế được hoàn trả Phải thu phí bảo hiểm Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Các tài sản khác Tổng tài sản		Bồi thường phải trả Nợ thuế Chi phí bảo hiểm dồn tích Đặt cọc phí bảo hiểm Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm Công nợ khác Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu	

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: nghìn USD

Mục	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Bảo tức trả chủ hợp đồng	
7	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
8	Tổng (5+6+7)	
9	Hoa hồng	
10	Thuế, phí và lệ phí	
11	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
12	Chi phí khác	
13	Tổng (8+9+10+11+12)	
14	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-13)	
15	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
17	Cổ tức trả cho cổ đông	
18	Các khoản phân bổ khác	
19	Tổng (16+17+18)	
20	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (14+15-19)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 8-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo năm:..... từ..... đến.....

I. Trình bày chính sách ghi nhận

1. Nguyên tắc kế toán tách quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu

- Ghi nhận tài sản:.....
- Ghi nhận nguồn vốn:.....
- Ghi nhận doanh thu:.....
- Ghi nhận chi phí:.....

2. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí:.....

3. Nguyên tắc phân bổ chi phí giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm:

- Loại chi phí phải phân bổ:
- Tiêu thức phân bổ theo từng loại chi phí.....

4. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả giữa các quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu:

Đơn vị tính: triệu đồng

[illegible]

Chi tiêu	Quý chủ hợp đồng								Quý chủ sở hữu		Tổng số	
	Số đầu năm				Số cuối năm				Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung	...	Quý chủ hợp đồng không chia lãi	Quý chủ hợp đồng chia lãi	Quý liên kết chung	...				
II- DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
D- Doanh thu												
I. Doanh thu phí bảo hiểm												
1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc												
2. Các khoản giảm trừ doanh thu												
II. Doanh thu từ hoạt động đầu tư												
III. Doanh thu khác												
Đ- Chi phí												
I. Chi phí kinh doanh bảo hiểm												
1. Chi trả tiền bảo hiểm												
2. Chi phí khai thác hợp đồng												
3. Chi phí trích lập dự phòng												
4. Chi phí trực tiếp khác												
II. Chi phí quản lý												
III. Chi phí hoạt động đầu tư												
IV. Chi phí khác												
E- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG												
- Phân chia kết quả hoạt động giữa quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm và quỹ chủ sở hữu trong năm												
- Số bù đắp của quỹ chủ sở hữu cho quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm trong năm												

III. Báo cáo nguồn phí bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; doanh thu, chi phí, dự phòng nghiệp vụ, các khoản chi phí tương ứng từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

IV. Phân chia thặng dư

1. Tổng số thặng dư đem chia trong năm

Chỉ tiêu		Năm	
		Năm tài chính liền kề	Năm tài chính hiện tại
A	Xác định số thặng dư đem chia trong năm ¹		
1	Tổng số lãi thu được		
2	Thặng dư chênh lệch các yếu tố		
3	Sử dụng dự phòng lãi chưa chia để bổ sung chia lãi trong năm tài chính hiện tại		
4	Các khoản khác được quy định cụ thể theo phương pháp chia lãi đăng ký với Bộ Tài chính: - Khấu trừ các khoản phải trả cho quỹ chủ sở hữu theo phương pháp chia lãi đăng ký với Bộ Tài chính;		
B	Phân chia thặng dư trong năm		
1	Chia cho chủ hợp đồng		
2	Chia cho chủ sở hữu		
3	Trích lập dự phòng lãi chưa chia		

Ghi chú:

- Trường hợp thặng dư đem chia trong năm khác (tại chỉ tiêu A) khác với giá trị phân chia thặng dư trong năm (tại chỉ tiêu B). Doanh nghiệp báo hiểm bổ sung số liệu giải trình cụ thể;
- Số tương đối tại chỉ tiêu B.1 và B.2 được tính căn cứ trên số thặng dư phân chia cho quỹ chủ hợp đồng/quỹ chủ sở hữu chia cho số thặng dư đem chia trong năm

2. Số liệu trình bày chi tiết

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu	Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quỹ chủ sở hữu
1. Dự phòng chia lãi						
2. Dự phòng lãi chưa chia						
3. Lãi phải trả cho chủ hợp đồng trong năm						
4. Lãi đã trả cho chủ hợp đồng trong năm						
5. Chi khác						

¹ Được xác định = Max [Tổng số lãi thu được ở (A.1), Thặng dư chênh lệch các yếu tố ở (A.2)] + Giá trị (A.3) +/- Giá trị (A.4.)

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ số hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ số hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ số hữu
6. Lãi chia cho chủ sở hữu: - Số tuyệt đối: - Số tương đối (bằng số tuyệt đối chia cho tổng số lãi đem đi chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm):						

3. Tổng thắng dư đã phân chia của Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi theo quy định tại Thông tư

Chỉ tiêu		Năm	
		Năm tài chính liền kề	Năm tài chính hiện tại
1	Tổng số lãi thu được của Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo (được tính theo số lũy kế của kết quả hoạt động của Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo)		
2	Tổng thắng dư chênh lệch các yếu tố của Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo (số lũy kế)		
3	So sánh số lớn hơn giữa (1) và (2)		
4	Tổng số thắng dư đã phân chia cho các chủ hợp đồng tính đến năm báo cáo (số lũy kế) - Số tuyệt đối - Số tương đối: So sánh với (3) (yêu cầu đạt được tối thiểu 70%)		
5	Tổng số thắng dư đã phân chia cho chủ sở hữu tính đến năm báo cáo (số lũy kế) - Số tuyệt đối - Số tương đối: So sánh với (3)		
6	Việc đáp ứng tỷ lệ phân chia thắng dư tối thiểu theo quy định tại Thông tư và phương pháp đăng ký với Bộ Tài chính		

Doanh nghiệp bảo hiểm phải tính toán tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục “3. Tổng thắng dư của Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi theo quy định tại Thông tư”
Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..... Ngày..... tháng..... năm....

Số lấy kê đến kỳ báo cáo																							Cùng kỳ năm trước									
Doanh thu phí khai thác mới											Tổng doanh thu phí																					
Đại lý cá nhân	Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Tele marketing	Môi trường mạng	Kênh phân phối khác (nếu rõ)	Đại lý cá nhân	Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Tele marketing	Môi trường mạng	Kênh phân phối khác (nếu rõ)	Đại lý cá nhân	Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Tele marketing	Môi trường mạng	Kênh phân phối khác (nếu rõ)	Đại lý cá nhân	Ngân hàng	Tổ chức khác (nếu rõ)	Tele marketing	Môi trường mạng	Kênh phân phối khác (nếu rõ)									
2. Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm nhóm (chỉ tiết theo từng nghiệp vụ)																																
3. Hợp đồng bảo hiểm vi mô (phân theo nhân thọ và sức khỏe)																																
4. Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm bán kèm																																
Tổng cộng																																
Ghi chú: Số liệu tại thời điểm báo cáo là số lấy kê.																																

(1) Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ được phê chuẩn trước khi Nghị định số 46/2023/NĐ-CP có hiệu lực được trình bày tại mục “Hợp đồng sản phẩm bảo hiểm bán kèm”
Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 11-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm dịch vụ khách hàng

- Tên doanh nghiệp:.....
- Báo cáo tính đến quý (năm): từ..... đến.....

		Số lũy kế đến kỳ báo cáo			Cùng kỳ năm trước		
STT	Nội dung	Tên	Địa chỉ	Số lượng	Tên	Địa chỉ	Số lượng
1	Trụ sở chính						
2	Chi nhánh						
	Tổng số						
3	Văn phòng đại diện						
	Tổng số						
4	Địa điểm kinh doanh						
	Tổng số						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 12-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO
Danh mục sản phẩm của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ:.....
- Tháng báo cáo.....

STT	Tên Sản phẩm	Công văn chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí	Ngày triển khai/dừng triển khai
Tên sản phẩm triển khai trong tháng			
Tên sản phẩm BH không còn triển khai trong tháng			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ tên)

....., ngày... tháng... năm...
TỔNG GIÁM ĐỐC/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)

Mẫu số 13-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Của chuyên gia tính toán

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Thời kỳ báo cáo (năm): Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu KTM (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2. ...			

- Tên sản phẩm theo đúng tên nghiệp vụ (Ví dụ: Sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp A,...)
- (*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:
- Đang triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ
- Đang triển khai : đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.
- 1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ.

2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng				Thực tế tại doanh nghiệp				Chênh lệch giữa thực tế và giả định				Ghi chú
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	Chi phí	(..)(*)	
Sản phẩm A													
.....													

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)			Cơ sở tính dự phòng hiện tại			Ghi chú (***)
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ tử vong	(..)(*)	
Sản phẩm A							
.....							

- (*): các giả định khác
- (**): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.
- (***) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thông kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).
- Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			

II. BÁO CÁO VỀ PHÂN CHIA THẶNG DƯ

	Chủ sở hữu	Chủ hợp đồng chia lãi	Chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ liên kết chung	 (*)
Thặng dư phát sinh trong kỳ					
Thặng dư phân chia trong kỳ - Chủ hợp đồng - Chủ sở hữu					
Thặng dư giữ lại trong kỳ					
Tổng thặng dư giữ lại (số lũy kế đến cuối kỳ)					

(*) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về việc đảm bảo phân chia thặng dư theo nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

Riêng đối với Quỹ Chủ hợp đồng tham gia chia lãi**1. Tổng số thặng dư đem chia trong năm**

Chỉ tiêu		Năm	
		Năm tài chính liền kề	Năm tài chính hiện tại
A	Xác định số thặng dư đem chia trong năm ²		
1	Tổng số lãi thu được		
2	Thặng dư chênh lệch các yếu tố		
3	Sử dụng dự phòng lãi chưa chia để bổ sung chia lãi trong năm tài chính hiện tại		
4	Các khoản khác theo phương pháp chia lãi đăng ký với Bộ Tài chính, cụ thể: - Khấu trừ các khoản phải trả cho quỹ chủ sở hữu theo phương pháp chia lãi đăng ký với Bộ Tài chính;		
B	Phân chia thặng dư trong năm		
1	Chia cho chủ hợp đồng		
2	Chia cho chủ sở hữu		
3	Trích lập dự phòng lãi chưa chia		

Ghi chú:

- Trường hợp thặng dư đem chia trong năm khác (tại chỉ tiêu A) khác với giá trị phân chia thặng dư trong năm (tại chỉ tiêu B). Doanh nghiệp bảo hiểm bổ sung số liệu giải trình cụ thể;

- Số tương đối tại chỉ tiêu B.1 và B.2 được tính căn cứ trên số thặng dư phân chia cho quỹ chủ hợp đồng/quỹ chủ sở hữu chia cho số thặng dư đem chia trong năm

2. Tổng thặng dư đã phân chia của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi:

Chỉ tiêu		Năm	
		Năm tài chính liền kề	Năm tài chính hiện tại
1	Tổng số lãi thu được của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo (được tính theo số lũy kế của kết quả hoạt động của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo)		

² Được xác định = Max [Tổng số lãi thu được ở (A.1), Thặng dư chênh lệch các yếu tố ở (A.2)] + Giá trị (A.3) +/- Giá trị (A.4.)

Chỉ tiêu	Năm	
	Năm tài chính liên kế	Năm tài chính hiện tại
2	Tổng thặng dư chênh lệch các yếu tố của Quỹ chủ hợp đồng tham gia chia lãi tính đến năm báo cáo (số lũy kế)	
3	So sánh số lớn hơn giữa (1) và (2)	
4	Tổng số thặng dư đã phân chia cho các chủ hợp đồng tính đến năm báo cáo (số lũy kế) - Số tuyệt đối - Số tương đối: So sánh với (3) (yêu cầu đạt được tối thiểu 70%)	
5	Tổng số thặng dư đã phân chia cho chủ sở hữu tính đến năm báo cáo (số lũy kế) - Số tuyệt đối - Số tương đối: So sánh với (3)	
6	Việc đáp ứng tỷ lệ phân chia thặng dư tối thiểu theo quy định tại Thông tư và phương pháp đăng ký với Bộ Tài chính	

III. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):
- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):
- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):
- So sánh E/F:
- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

IV. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.
- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.
- Sự tương xứng về thời hạn, tính thanh khoản, và bản chất rủi ro giữa tài sản có và tài sản nợ của các quỹ.

	Chủ hợp đồng chia lãi	Chủ hợp đồng không chia lãi	Quỹ liên kết chung	 (*)
Tổng tài sản				
Thời hạn trung bình của tài sản				
Tổng dự phòng				
Thời hạn trung bình còn lại của các hợp đồng đang có hiệu lực				

(*) các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về mức độ hợp lý giữa thời hạn của tài sản đầu tư và mức trách nhiệm cam kết của doanh nghiệp.
- Mức độ sử dụng công cụ phái sinh tài chính (nếu có), và ảnh hưởng của công cụ phái sinh tài chính đến rủi ro đầu tư của các Quỹ.
- Kết quả đầu tư của từng Quỹ trong năm tài chính báo cáo.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ VIỆC TRIỂN KHAI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ, BẢO HIỂM HỮU TRÍ

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...
CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
 (Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

Mẫu số 14-NT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Hoạt động của quỹ liên kết chung

Doanh nghiệp bảo hiểm

Năm báo cáo:

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG TRONG NĂM

Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:.....

Số phí bảo hiểm phân bổ cho quyền lợi bảo hiểm rủi ro:.....

Các Khoản chi phí liên quan:.....

Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ liên kết chung:.....

Giá trị quỹ liên kết chung đầu năm:.....

Giá trị quỹ liên kết chung cuối năm:.....

Tỷ suất đầu tư của quỹ liên kết chung:.....

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Tài sản	Giá trị đầu năm	Thay đổi trong năm	Giá trị cuối năm
- Tiền			
- Danh Mục các Khoản đầu tư (liệt kê chi tiết)			
- Các tài sản khác			
Tổng tài sản			

III. BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Nội dung	Năm trước	Năm nay	Ghi chú
Thu nhập: chi tiết thu nhập từ hoạt động đầu tư theo danh Mục phù hợp với quy định			
Tổng thu nhập			
Chi phí: Chi tiết chi phí theo danh Mục phù hợp với quy định			
Tổng chi phí			
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí			
Thu nhập trả cho bên mua bảo hiểm			
Tỷ suất đầu tư thực tế			
Tỷ suất đầu tư thanh toán cho bên mua bảo hiểm			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Báo cáo hoạt động, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động bổ sung thêm các nội dung khác nhằm phản ánh rõ hơn kết quả hoạt động của Quỹ.

Mẫu số 15-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Hoạt động của quỹ liên kết đơn vị

Doanh nghiệp bảo hiểm

Năm báo cáo:

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM**A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:**

- Phí cơ bản:
- Phí đóng thêm:

B. Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị (nếu có)

(chi tiết theo từng Quỹ liên kết đơn vị)

C. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị

(chi tiết theo từng năm hợp đồng: năm thứ nhất, thứ hai...)

D. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị: (A-B)

Tên quỹ	Số dư đầu kỳ				Tăng/giảm trong kỳ				Số dư cuối kỳ			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ A												
Quỹ B												
Quỹ C												
.....												

II. TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Tài sản	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ C	Ghi chú
- Tiền				
- Danh mục các khoản đầu tư (liệt kê chi tiết)				
- Các tài sản khác (chi tiết theo từng loại tài sản)				
Tổng tài sản				

III. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Nội dung	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ C	Ghi chú
Thu nhập/Doanh thu				
- Phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ (tương ứng với mục D Phần I)				
- Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị (nếu có)				
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư (chi tiết theo danh mục các khoản đầu tư, tương ứng với danh mục các khoản đầu tư tại Phần II)				
- Thu khác				
Tổng thu nhập/Tổng doanh thu				
Chi phí: Chi tiết chi phí theo danh mục phù hợp với quy định, cụ thể:				
- Phí rủi ro:				
- Phí quản lý hợp đồng:				
- Phí chuyển đổi quỹ:				
- Phí chấm dứt hợp đồng:				

Nội dung	Quỹ A	Quỹ B	Quỹ C	Ghi chú
- Chi phí hoạt động đầu tư: đây là khoản phí ngân hàng, các loại phí trả cho bên thứ 3)				
Tổng chi phí				
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí				
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ kỳ trước sang				
Thu nhập phân chia - Cho chủ hợp đồng: - Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ đã được phê chuẩn): - Cho chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập/hoàn trả từ Phần đóng góp tương ứng của Quỹ chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị)				
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau				

Ghi chú:

- Số dư cuối kỳ tại bảng I thống nhất với số liệu tổng tài sản của từng quỹ;
- Tăng giảm trong kỳ tại bảng I thống nhất với số chênh lệch giữa thu nhập và chi phí và khoản thu nhập phân chia trong năm

IV. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Doanh nghiệp bảo hiểm nêu rõ một số thông tin như:

- Mục tiêu đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị và cách thức phân bổ tài sản tại thời điểm báo cáo;
 - Các thay đổi về mục tiêu đầu tư (nếu có), những hạn chế của quỹ liên kết đơn vị trong năm;
 - Phân tích về tình hình hoạt động của quỹ liên kết đơn vị trong năm (05) năm gần nhất về tỷ suất đầu tư ròng của quỹ liên kết đơn vị hoặc thời gian tồn tại thực tế của quỹ liên kết đơn vị nếu thời gian hoạt động của quỹ chưa đủ năm (05) năm;
 - Các khoản chi phí phải trả liên quan đến quỹ liên kết đơn vị và các khoản chi phí phát sinh trong năm;
 - Chi tiết về các khoản lãi chia đã thực hiện và dự kiến thực hiện trong năm báo cáo; các tác động về giá trị tài sản ròng trên mỗi đơn vị quỹ liên kết đơn vị trước và sau khi thực hiện các khoản chia lãi;
 - Đánh giá triển vọng trong tương lai của các khoản đầu tư và các chính sách đầu tư dự kiến của quỹ liên kết đơn vị, liệt kê một số trường hợp điển hình làm thay đổi đánh giá triển vọng này;
 - Các chỉ số liên quan trong những lĩnh vực đầu tư mà quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư;
- Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu)

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Báo cáo hoạt động, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động bổ sung thêm các nội dung khác nhằm phản ánh rõ hơn kết quả hoạt động của Quỹ.

Mẫu số 16-NT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC
ngày 02/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

Hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện

Doanh nghiệp bảo hiểm:

Năm báo cáo:

I. PHÍ BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN TRONG NĂM

1. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:

+ Hợp đồng bảo hiểm cá nhân:

Phần đóng góp định kỳ của cá nhân

Phần đóng thêm

+ Hợp đồng bảo hiểm nhóm:

Phần đóng góp của người sử dụng lao động

Phần đóng góp của người lao động

2. Các khoản chi phí liên quan:

+ Phí ban đầu

+ Phí rủi ro

+ Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm

+ Phí quản lý quỹ

+ Phí chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí

3. Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào quỹ hưu trí tự nguyện:

II. BÁO CÁO TÀI SẢN QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

Tài sản	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Nợ phải trả và tài sản thuần	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Tài sản			Nợ phải trả		
Tiền tại quỹ			Dự phòng nghiệp vụ		
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng			Phải trả quyền lợi hưu trí		
Trái phiếu Chính phủ			Phải trả các khoản phí quản lý hợp đồng		
Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương			Phải trả các khoản phí quản lý quỹ		
Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào doanh nghiệp khác			Phải trả các khoản phí chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí		
Phải thu lãi đầu tư			Phải trả Nhà nước		
Phải thu từ đầu tư chứng khoán, trái phiếu			Phải trả lãi		
Phải thu khác			Phải trả hoa hồng		
Tài sản khác			Phải trả khác		
			Tổng nợ phải trả		
Tổng tài sản			Tài sản thuần		

Giá trị quỹ hưu trí tự nguyện đầu năm:.....

Giá trị quỹ hưu trí tự nguyện cuối năm:.....

Tỷ suất đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện:

III. BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ HỮU TRÍ TỰ NGUYỆN

Nội dung	Năm trước	Năm nay	Ghi chú
Thu nhập + Từ nguồn phí bảo hiểm + Từ lãi đầu tư + Thu nhập khác			
Tổng thu nhập			
Chi phí + Phí ban đầu + Phí rủi ro + Phí quản lý hợp đồng bảo hiểm + Phí quản lý quỹ + Phí chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí + Chi trích lập dự phòng nghiệp vụ + Chi khác (nếu có theo quy định tại hợp đồng bảo hiểm)			
Tổng chi phí			
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí			
Thu nhập trả cho bên mua bảo hiểm			
Tỷ suất đầu tư thực tế			
Tỷ suất đầu tư thanh toán cho bên mua bảo hiểm			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN
(Ký và ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

**TỔNG GIÁM ĐỐC/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu)

Ngoài những nội dung tối thiểu phải cung cấp cho khách hàng theo yêu cầu tại Báo cáo hoạt động, Doanh nghiệp bảo hiểm có thể chủ động bổ sung thêm các nội dung khác nhằm phản ánh rõ hơn kết quả hoạt động của Quỹ.

(Xem tiếp Công báo số 1269 + 1270)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng